

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 03 - 2024

V/v: Ly hôn, TC nuôi con
giữa chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà vũ Thúy Nga

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà **Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.**

Ngày 18 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02/01/2024, về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **13 /2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/3/2024**, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.**

* Bị đơn: Anh **Đoàn Văn T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: **Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.** Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N.**

(Tại phiên tòa chị **H** và anh **T** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đoàn Văn T** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được **UBND xã X, huyện X** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do anh **T**

nghiện ma túy. Anh T1 đã bị Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đưa ra xét xử ngày 26/12/2023 và xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh T1 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Nay chị xác định hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh Đoàn Văn T.

Chị và Đoàn Văn T có 01 con chung là Đoàn Nhật A, sinh ngày 06/01/2021. Khi ly hôn, chị nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản.

Chị có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Anh Đoàn Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 10/10/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do anh nghiện ma túy. Anh đã bị Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đưa ra xét xử ngày 26/12/2023 và xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Nay chị xác định hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn nên anh cũng hoàn toàn nhất trí. Anh và chị H có 01 con chung là Đoàn Nhật A, sinh ngày 06/01/2021. Khi ly hôn, chị nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh nhất trí để chị nuôi con theo nguyện vọng của chị. Anh không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản.

Do anh đang bị tạm giam nên đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

Chính quyền địa phương đề nghị giải quyết việc anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật. Con chung nên giao cho chị H nuôi dưỡng trước tiếp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Đoàn Văn T. Con chung giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Đoàn Nhật A, sinh ngày 06/01/2021. Chấp nhận chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đang bị tạm giam cũng đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Trịnh Thị H** và anh **Đoàn Văn T** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do anh nghiện ma túy. Anh đã bị Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đưa ra xét xử ngày 26/12/2023 và xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N**. Chị xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn. Do đó chấp nhận ý kiến của hai anh chị để mỗi bên tự lo hạnh phúc của mình.

[3]. Về con chung: Chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng; anh cũng nhất trí để chị nuôi con và không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Do đó sẽ giao cho chị **H** tiếp tục nuôi con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con cho chị. **Anh T1** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **H** phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Trịnh Thị H** và anh **Đoàn Văn T**
2. Về nuôi con chung: Giao chị **H** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung **Đoàn Nhật A**, sinh ngày 06/01/2021. Chấp nhận chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con cho chị. **Anh T1** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị **H** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0000043** ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.
4. Về quyền kháng cáo: Chị **H** và anh **T1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh